

Đề cương chi tiết

NGHỊ QUYẾT

Quy định đối tượng, nội dung và mức chi thực hiện chế độ,
chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, công chức, viên chức
và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng..... năm 2024 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định đối tượng, nội dung và
mức chi thực hiện chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, công
chức, viên chức và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định đối tượng, nội dung
và mức chi thực hiện chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, công
chức, viên chức và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng từ nguồn
ngân sách địa phương.

Điều 2.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- HĐND, UBND các H, TX, TP;
- TT Tích hợp DL và chuyển đổi số tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Đối tượng, nội dung và mức chi thực hiện chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này Quy định đối tượng, nội dung và mức chi thực hiện chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Không điều chỉnh đối với các đối tượng bị kỷ luật bằng hình thức cách chức, khai trừ Đảng hoặc buộc thôi việc; các đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của toà án mà chưa được xóa án tích; nhân viên các doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng thương mại hưởng theo ngạch, bậc lương không thống nhất quy định về ngạch, bậc lương hưởng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng 1: Cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (đang thường trú trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng); Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy các khóa; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh (đương chức và nguyên chức).

2. Đối tượng 2: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh (đương chức và nguyên chức).

3. Đối tượng 3:

- Cấp trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương (đương chức và nguyên chức).

- Cấp phó các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; thành viên các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc Tỉnh ủy; Phó Bí thư cấp ủy cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương (đương chức, nguyên chức).

- Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương; các đối

tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý còn lại (đương chức, nguyên chức).

- Cán bộ lãnh đạo từ cấp cục, vụ, viện và tương đương thuộc các bộ, các ban đảng, đoàn thể Trung ương đã nghỉ hưu thường trú trên địa bàn tỉnh.

4. Đối tượng 4:

- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thương binh, người hương chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng, thân nhân của hai liệt sĩ trở lên.

- Cán bộ lão thành cách mạng; cán bộ tiền khởi nghĩa.

- Anh hùng lao động; Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân; Đảng viên được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng trở lên.

- Sĩ quan lực lượng vũ trang cấp hàm từ Thượng tá trở lên hoặc sĩ quan cấp hàm Trung tá có thời gian tham gia cách mạng từ ngày 30/4/1975 trở về trước.

- Các vị chức sắc, chức việc tiêu biểu các tôn giáo.

- Cán bộ không thuộc các đối tượng nêu trên nhưng đã được Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh cấp Sổ Y bạ.

5. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

Chương II

CHÍNH SÁCH KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ; KHÁM, ĐIỀU TRỊ BỆNH THƯỜNG XUYÊN; NGHỈ DƯỠNG, PHỤC HỒI SỨC KHỎE

Điều 3. Chế độ khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ

- Cán bộ cấp cao: Khám sức khỏe định kỳ theo Kế hoạch hằng năm của Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe Trung ương (theo quy định tại Mục 1, Phần II, Quy định số 121-QĐ/TW ngày 25/01/2018 của Ban Bí thư về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ cấp cao thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý).

- Các đối tượng còn lại của đối tượng 1, đối tượng 2 được khám sức khỏe toàn diện định kỳ 02 lần/năm theo kế hoạch của Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh. Đối tượng 3 được khám sức khỏe toàn diện định kỳ 01 lần/năm theo kế hoạch của Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh. Trường hợp có bệnh lý thì thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe theo chỉ định của Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, thương binh,

người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng, thân nhân của hai liệt sĩ trở lên được khám sức khỏe toàn diện định kỳ 01 lần/năm theo kế hoạch của Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

- Danh mục gói khám thực hiện theo Quyết định số 1266/QĐ-BYT ngày 21/3/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành quy định tiêu chuẩn phân loại sức khỏe cán bộ và mẫu phiếu khám sức khỏe cán bộ. Định mức gói khám thực hiện theo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh nhưng không quá 6.000.000 đồng/lần đối với nam và 8.000.000 đồng/lần đối với nữ.

Điều 4. Chế độ khám, kiểm tra sức khỏe thường xuyên cho cán bộ

1. Các đối tượng thuộc Điều 2 của Nghị quyết này (đã đăng ký nơi khám, chữa bệnh ban đầu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh) được mở Sổ Y bạ tại Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; được khám, điều trị bệnh ngoại trú và nội trú tại Khoa Khám bệnh và quản lý sức khỏe cán bộ. Ngoài các chế độ được hưởng theo quy định về bảo hiểm y tế sẽ được hưởng thêm các chế độ sau:

- Được hỗ trợ phần chi phí khám, điều trị bệnh với mức 5% nếu thuộc đối tượng được hưởng mức bảo hiểm y tế là 95%; mức 20% nếu thuộc đối tượng được hưởng mức bảo hiểm y tế là 80%.

- Được hỗ trợ chi phí nằm viện, chi phí giường bệnh, phòng dịch vụ khi điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh:

+ Đối tượng 1 và đối tượng 2: 01 giường/phòng (không quá 1.000.000 đồng/người/ngày, tối đa 07 ngày).

+ Đối tượng 3 và đối tượng 4: 02 giường/phòng (không quá 700.000 đồng/người/ngày, tối đa 07 ngày).

- Đối với các đơn thuốc đặc trị của các Bệnh viện tuyến Trung ương nếu Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng không đảm bảo trong danh mục thuốc thì Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh hỗ trợ chi phí đơn thuốc theo hóa đơn thực tế (không quá 1.000.000 đồng/đơn thuốc) và phải được sự phê duyệt của lãnh đạo Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

2. Các đối tượng được quy định tại Hướng dẫn số 52-HD/BTCTW ngày 02/12/2005 của Ban Tổ chức Trung ương về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng khám, chữa bệnh tại cơ sở y tế của Trung ương và các đối tượng đã lập sổ thẻ khám bệnh tại Bệnh viện Thống Nhất được tổ chức đưa, đón khám, điều trị bệnh tại Bệnh viện Thống nhất theo quy định.

Điều 5. Chế độ nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe

- Cán bộ nguyên chức thuộc đối tượng 1, đối tượng 2 được tham gia nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe tập trung mỗi năm một lần, thời gian tối đa 07 ngày/lần.

- Cán bộ nguyên chức thuộc đối tượng 3 được tham gia nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe tập trung hai năm một lần, thời gian tối đa 07 ngày/lần.

- Địa điểm nghỉ dưỡng là các khu du lịch, các resort có dịch vụ an dưỡng trong cả nước; ưu tiên lựa chọn các điểm nghỉ dưỡng của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Trung ương quản lý.

- Chi phí tổ chức cho cán bộ tham gia nghỉ dưỡng: Được thanh toán chi phí nghỉ dưỡng 1.000.000 đồng/người/ngày và chi phí phương tiện di chuyển từ Sóc Trăng đến nơi nghỉ dưỡng và theo chiều ngược lại theo thực tế.

- Công tác phí cho cán bộ phục vụ đợt nghỉ dưỡng: Thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với cơ quan chức năng hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Các khoản chi thực hiện chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng nêu tại Quy định này do ngân sách địa phương chi trả.

Các nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành./.